BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 21/11/2021

Phòng thi 01 - A0.406

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Bậc thi	Ghi chú
1	TA0012	Nguyễn Thái	An	29.03.1999	Nghệ An	3-5	
2	TA0013	Phạm Thị Hồng	An	27.05.1999	Nghệ An	3-5	
3	TA0014	Trần Thị Vân	Anh	03.02.1998	Hà Nam	3-5	
4	TA0015	Hoàng Thị	Bé	23.10.1993	Nghệ An	3-5	
5	TA0016	Nguyễn Thị	Bình	16.06.1990	Nghệ An	3-5	
6	TA0017	Nguyễn Mạnh	Cương	29.08.1981	Hà Nội	3-5	
7	TA0018	Lê Quang	Danh	10.03.1994	Nghệ An	3-5	
8	TA0019	Đỗ Thị Vân	Dung	02.12.1987	Vĩnh Phúc	3-5	
9	TA0020	Trần La	Đô	01.07.1992	Bình Định	3-5	
10	TA0021	Trần Văn	Đức	29.07.1989	Nghệ An	3-5	
11	TA0022	Hồ Viết	Đức	03.12.1994	Nghệ An	3-5	
12	TA0023	Đinh Thị Thuỳ	Dung	12.11.1981	Ninh Bình	3-5	
13	TA0024	Lê Thị Thuỳ	Dung	06.04.1999	Nghệ An	3-5	
14	TA0025	Trần Thị Hồng	Dung	16.12.1994	Hà Tĩnh	3-5	
15	TA0026	Nguyễn Chỉ	Dũng	09.01.1992	Hà Tĩnh	3-5	
16	TA0027	Vũ Thị	Duyên	15.09.1992	Nghệ An	3-5	
17	TA0028	Đậu Thị	Giang	20.10.1991	Nghệ An	3-5	
18	TA0029	Phạm Thị Trà	Giang	16.02.1985	Hà Tĩnh	3-5	
19	TA0030	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21.11.1977	Quảng Ninh	3-5	
20	TA0031	Nguyễn Thị Thuý	Hà	16.09.1998	Nghệ An	3-5	
21	TA0032	Nguyễn Nữ Mỹ	Hà	02.04.1988	Hà Tĩnh	3-5	
22	TA0033	Nguyễn Ngọc	Hà	09.04.1998	Nghệ An	3-5	
23	TA0034	Nguyễn Phan Mỹ	Hằng	19.03.1996	Hà Tĩnh	3-5	
24	TA0035	Nguyễn Thị Minh	Hằng	17.12.1998	Nghệ An	3-5	
25	TA0036	Ngô Thị Thu	Hằng	04.06.1999	Hà Tĩnh	3-5	

Danh sách phòng thi gồm 25 thí sinh./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM
Đợt thi ngày 21/11/2021

Phòng thi 02 - A0.407

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Bậc thi	Ghi chú
1	TA0037	Phan Nguyên	Hạnh	18.09.1999	Hà Tĩnh	3-5	
2	TA0038	Khúc Thị	Hiền	12.11.1982	Sơn La	3-5	
3	TA0039	Hoàng Thị	Hiền	25.08.1989	Hà Tĩnh	3-5	
4	TA0040	Nguyễn Thị Khánh	Hoà	25.04.1989	Hà Tĩnh	3-5	
5	TA0041	Nguyễn Thị Mỹ	Hoài	26.04.1998	Quảng Bình	3-5	
6	TA0042	Nguyễn Thị	Hoài	10.02.1995	Hà Tĩnh	3-5	
7	TA0043	Dương Thị	Hoài	22.11.1993	Nghệ An	3-5	
8	TA0044	Dương Lê Thái	Hoài	26.09.1999	Nghệ An	3-5	
9	TA0045	Đặng Vũ	Hùng	10.04.1999	Nghệ An	3-5	
10	TA0046	Hồ Xuân	Hùng	08.10.1999	Hà Tĩnh	3-5	
11	TA0047	Lê Khắc	Hùng	12.05.1977	Hà Tĩnh	3-5	
12	TA0048	Nguyễn Việt	Hưng	16.12.2002	Hà Tĩnh	3-5	
13	TA0049	Nguyễn Bảo	Hưng	17.02.1996	Nghệ An	3-5	
14	TA0050	Vũ Thị	Hương	28.12.1975	Nghệ An	3-5	
15	TA0051	Nguyễn Sĩ	Huy	26.02.1996	Hà Tĩnh	3-5	
16	TA0052	Hồ Thị Khánh	Huyền	24.11.1999	Nghệ An	3-5	
17	TA0053	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	28.08.1996	Nghệ An	3-5	
18	TA0054	Phạm Viết	Khánh	18.10.1997	Nghệ An	3-5	
19	TA0055	Trịnh Hùng	Khởi	14.10.1998	Thanh Hoá	3-5	
20	TA0056	Trần Thị	Lam	20.04.1999	Hà Tĩnh	3-5	
21	TA0057	Hoàng Thị Hiền	Lê	27.04.1987	Nghệ An	3-5	
22	TA0058	Trần Thị	Lệ	15.06.1995	Nghệ An	3-5	
23	TA0059	Kiều Khánh	Linh	28.08.2000	Hà Tĩnh	3-5	
24	TA0060	Lê Hoàng Phương	Linh	30.04.1995	Nghệ An	3-5	
25	TA0061	Nguyễn Văn	Linh	12.05.1993	Nghệ An	3-5	

Danh sách phòng thi gồm 25 thí sinh./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 21/11/2021

Phòng thi 03 - A0.503

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Bậc thi	Ghi chú
1	TA0062	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	15.06.1999	Nghệ An	3-5	
2	TA0063	Hoàng Thị Phương	Ly	05.07.1999	Nghệ An	3-5	
3	TA0064	Lê Thị Khánh	Ly	16.06.1999	Nghệ An	3-5	
4	TA0065	Nguyễn Thị	Mai	06.01.1992	Nghệ An	3-5	
5	TA0066	Nguyễn Ngọc	Mai	23.05.1999	Hà Tĩnh	3-5	
6	TA0067	Lê Phương	Ngân	21.12.1995	Hà Tĩnh	3-5	
7	TA0068	Phan Thị	Ngân	28.11.1991	Nghệ An	3-5	
8	TA0069	Nguyễn Thị	Ngọc	26.09.1994	Hà Tĩnh	3-5	
9	TA0070	Nguyễn Duy	Nguyên	19.03.1999	Nghệ An	3-5	
10	TA0071	Nguyễn Thị Hằng	Nguyệt	19.06.1977	Nghệ An	3-5	
11	TA0072	Nguyễn Thị	Nguyệt	12.02.1980	Hải Dương	3-5	
12	TA0073	Nguyễn Thị	Nhung	16.05.1996	Nghệ An	3-5	
13	TA0074	Đinh Thị Hồng	Nhung	20.05.1984	Nghệ An	3-5	
14	TA0075	Võ Hồng	Nhung	19.07.2002	Nghệ An	3-5	
15	TA0076	Phạm Thị	Nhung	01.01.1995	Nghệ An	3-5	
16	TA0077	Hoàng Thị	Nhung	05.06.1992	Thanh Hoá	3-5	
17	TA0078	Nguyễn Thị	Oanh	27.06.1997	Nghệ An	3-5	
18	TA0079	Đặng Mai	Phương	02.02.1996	Nghệ An	3-5	
19	TA0080	Phan Hà	Phương	23.02.1999	Hà Tĩnh	3-5	
20	TA0081	Võ Hà	Phương	08.12.2003	Nghệ An	3-5	
21	TA0082	Nguyễn Thị	Phương	13.08.1993	Nghệ An	3-5	
22	TA0083	Trần Thị Thuý	Quỳnh	17.03.1999	Nghệ An	3-5	
23	TA0084	Chu Thuý	Quỳnh	10.03.1999	Nghệ An	3-5	
24	TA0085	Bạch Thị	Quỳnh	28.03.1995	Nghệ An	3-5	
25	TA0086	Hoàng Thị	Sâm	11.08.1975	Nghệ An	3-5	

Danh sách phòng thi gồm 25 thí sinh./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 21/11/2021

Phòng thi 04 - A0.505

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Bậc thi	Ghi chú
1	TA 0001	Nguyễn Thị Hương	Giang	09.03.1993	Hải Phòng	2	
2	TA 0002	Phan Hồng	Hà	25.07.1996	Nghệ An	2	
3	TA 0003	Lê Hồng	Hạnh	18.09.1997	Nghệ An	2	
4	TA 0004	Võ Thị Hiền	Lương	28.08.1997	Nghệ An	2	
5	TA 0005	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01.01.1993	Nghệ An	2	
6	TA 0006	Vi Thị Minh	Thuý	15.06.1994	Nghệ An	2	
7	TA 0007	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	21.05.1992	Nghệ An	2	
8	TA 0008	Lâm Văn	Hà	15.08.1966	Nghệ An	2	
9	TA 0009	Lê Đình	Khuyến	04.05.1973	Nghệ An	2	
10	TA 0010	Phan Lê	Hùng	29.05.1968	Nghệ An	2	
11	TA 0011	Nguyễn Văn	Cường	12.11.1971	Nghệ An	2	
12	TA0087	Phan Trường	Sang	05.05.1972	Hà Tĩnh	3-5	
13	TA0088	Nguyễn Quang	Sáng	18.09.1998	Hà Tĩnh	3-5	
14	TA0089	Lý Thanh	Tâm	28.07.1999	Nghệ An	3-5	
15	TA0090	Đặng Đại	Thạch	06.12.1997	Hà Tĩnh	3-5	
16	TA0091	Phạm Thị	Thắm	19.03.1989	Hà Tĩnh	3-5	
17	TA0092	Trương Đức	Thắng	16.05.1997	Nghệ An	3-5	
18	TA0093	Nguyễn Trần Phương	Thảo	18.11.1999	Nghệ An	3-5	
19	TA0094	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10.12.1992	Nghệ An	3-5	

Danh sách phòng thi gồm 19 thí sinh./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 21/11/2021

Phòng thi 05 - A0.506

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Bậc thi	Ghi chú
1	TA0095	Nguyễn Thị	Thảo	10.10.1992	Nghệ An	3-5	
2	TA0096	Lê Thanh	Thảo	04.10.1999	Nghệ An	3-5	
3	TA0097	Hồ Quang	Thịnh	31.08.1992	Nghệ An	3-5	
4	TA0098	Nguyễn Thị	Thơm	26.02.1994	Hà Tĩnh	3-5	
5	TA0099	Trần Thị Phương	Thuý	17.03.1999	Nghệ An	3-5	
6	TA0100	Võ Thị	Thuý	10.08.1987	Nghệ An	3-5	
7	TA0101	Nguyễn Ngọc	Toản	15.08.1997	Nghệ An	3-5	
8	TA0102	Nguyễn Ngọc	Trãi	19.05.1986	Hà Tĩnh	3-5	
9	TA0103	Nguyễn Thị Thu	Trang	15.05.1997	Hà Tĩnh	3-5	
10	TA0104	Nguyễn Tuấn	Trung	14.12.1992	Hà Tĩnh	3-5	
11	TA0105	Trần Mạnh	Tú	24.12.1997	Quảng Ninh	3-5	
12	TA0106	Nguyễn Ngọc	Tú	25.10.1987	Hà Tĩnh	3-5	
13	TA0107	Nguyễn Mạnh	Tuấn	13.06.1991	Hà Tĩnh	3-5	
14	TA0108	Phan Minh	Tuấn	10.10.1982	Quảng Trị	3-5	
15	TA0109	Nguyễn Văn	Tuấn	24.04.1993	Hà Tĩnh	3-5	
16	TA0110	Hoàng Văn	Tuấn	20.06.1986	Thanh Hoá	3-5	
17	TA0111	Nguyễn Mậu	Tùng	25.12.1994	Hà Tĩnh	3-5	
18	TA0112	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	30.01.1999	Hà Tĩnh	3-5	
19	TA0113	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	26.03.1989	Nghệ An	3-5	
20	TA0114	Lê Thị	Vân	28.06.1997	Nghệ An	3-5	
21	TA0115	Lê Kim	Vũ	12.08.1990	Nghệ An	3-5	
22	TA0116	Nguyễn Bá Ba	Vương	28.09.1991	Hà Nội	3-5	
23	TA0117	Lê Thị Hà	Vy	18.04.1997	Nghệ An	3-5	
24	TA0118	Nguyễn Thị Hải	Yến	21.10.1995	Hưng Yên	3-5	
25	TA0119	Dương Như	Quỳnh	29.08.1987	Nghệ An	3-5	

Danh sách phòng thi gồm 25 thí sinh./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 21/11/2021

Phòng thi 06 - A0.507

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Bậc thi	Ghi chú
1	TA0120	Vũ Lan	Anh	16.04.1988	Ninh Bình		
2	TA0121	Phan Ánh	Châu	13.07.1980	Ninh Bình		
3	TA0122	Bùi Xuân	Chiểu	12.07.1987	Ninh Bình		
4	TA0123	Bùi Công	Chính	13.03.1974	Ninh Bình		
5	TA0124	Đinh Mạnh	Cường	15.05.1984	Ninh Bình		
6	TA0125	Nguyễn Phương	Danh	02.06.1973	Ninh Bình		
7	TA0126	Lê Thị	Dịu	29.03.1989	Ninh Bình		
8	TA0127	Trần Minh	Đức	10.03.1985	Ninh Bình		
9	TA0128	Nguyễn Thuỳ	Dương	03.06.1984	Ninh Bình		
10	TA0129	Vũ Thị	Hà	29.04.1979	Ninh Bình		
11	TA0130	Nguyễn Thị	Hải	21.11.1984	Ninh Bình		
12	TA0131	Phạm Thị Hồng	Hải	12.11.1986	Ninh Bình		
13	TA0132	Ngô Thị	Hiền	19.01.1991	Ninh Bình		
14	TA0133	Lê Thị	Hồng	22.09.1982	Ninh Bình		
15	TA0134	Trịnh Xuân	Huân	17.02.1982	Ninh Bình		
16	TA0135	Vũ Thị Thanh	Huyền	07.05.1983	Ninh Bình		
17	TA0136	Phạm Hồng	Khanh	14.03.1983	Ninh Bình		
18	TA0137	Đinh Thị Bạch	Kim	08.03.1989	Ninh Bình		
19	TA0138	Nguyễn Thị	Lan	10.02.1986	Ninh Bình		
20	TA0139	Mai Thị	Luận	02.10.1983	Ninh Bình		
21	TA0140	Vũ Thị	Lý	04.05.1985	Ninh Bình		

Danh sách phòng thi gồm 21 thí sinh./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 21/11/2021

Phòng thi 07 - A0.508

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Bậc thi	Ghi chú
1	TA0141	Nguyễn Văn	Minh	11.07.1976	Ninh Bình		
2	TA0142	Dương Thị Thanh	Ngân	21.04.1985	Ninh Bình		
3	TA0143	Nguyễn Minh Kim	Ngân	18.06.1991	Ninh Bình		
4	TA0144	Lê Đại	Nghĩa	10.02.1982	Ninh Bình		
5	TA0145	Trần Thị	Nhung	14.03.1983	Ninh Bình		
6	TA0146	Đinh Thị Hồng	Nhung	28.08.1982	Ninh Bình		
7	TA0147	Mai Thị Lan	Phương	19.09.1988	Ninh Bình		
8	TA0148	Đinh Xuân	Quảng	27.03.1984	Cao Bằng		
9	TA0149	Nguyễn Thị Minh	Quý	22.06.1987	Ninh Bình		
10	TA0150	Phạm Duy	Tân	06.09.1990	Ninh Bình		
11	TA0151	Trương Công	Thắng	07.09.1982	Ninh Bình		
12	TA0152	Nguyễn Hồng	Thanh	08.03.1977	Ninh Bình		
13	TA0153	Dương Thị Phương	Thảo	04.07.1976	Ninh Bình		
14	TA0154	Bùi Đức	Tháp	23.02.1982	Ninh Bình		
15	TA0155	Phạm Quốc	Thuấn	04.09.1972	Ninh Bình		
16	TA0156	Đinh Thị	Thuý	08.08.1983	Ninh Bình		
17	TA0157	Nguyễn Trọng	Thuỳ	30.08.1985	Ninh Bình		
18	TA0158	Nguyễn Thuỳ	Trinh	20.12.1993	Ninh Bình		
19	TA0159	Phạm Huy	Trung	25.10.1976	Ninh Bình		
20	TA0160	Đinh Thị	Xuân	14.10.1979	Ninh Bình		
21	TA0161	Pham Thị Hoài	Thương	02.07.1995	Nghệ An		

Danh sách phòng thi gồm 21 thí sinh./.